

THÔNG BÁO
Công khai các biểu mẫu theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Kế hoạch số 149/KH-NTMĐ ngày 01/6/2026 của trường PTDTNT THPT Măng Đen về việc công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT;

Nhằm minh bạch các thông tin có liên quan của cơ sở giáo dục để nhà giáo, cá bộ quản lý giáo dục, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục.

Trường PTDTNT THPT Măng Đen thông báo công khai các biểu mẫu báo cáo cụ thể như sau:

- Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên (Biểu mẫu 05)
 - Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung (Biểu mẫu 06)
 - Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học (Biểu mẫu 07)
 - Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (Biểu mẫu 08)
- (Đính kèm các biểu mẫu)

Trên đây là thông báo công khai các biểu mẫu theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của trường PTDTNT THPT Măng Đen./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo nhà trường (biết);
- Đăng trên Website của trường;
- Niên yết tại Bảng tin;
- CB, GV, NV, HS toàn trường (thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Anh Khánh

Ngày 15/03/2024

THÔNG BÁO

THÔNG BÁO

Căn cứ các văn bản theo Thông tin 02/2024-TT-BGĐT

Để thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về thuế, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, Tổng cục Thuế đã ban hành Thông tư 02/2024-TT-BGĐT ngày 15/03/2024 quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thu nhập cá nhân.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ban hành, áp dụng đối với người nộp thuế thu nhập cá nhân.

Thông tư này quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thu nhập cá nhân, bao gồm các quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thu nhập cá nhân.

Thông tư này quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thu nhập cá nhân, bao gồm các quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thu nhập cá nhân.

Thông tư này quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thu nhập cá nhân, bao gồm các quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thu nhập cá nhân.

Thông tư này quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thu nhập cá nhân, bao gồm các quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thu nhập cá nhân.

Thông tư này quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thu nhập cá nhân, bao gồm các quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thu nhập cá nhân.

Thông tư này quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thu nhập cá nhân, bao gồm các quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với người nộp thuế thu nhập cá nhân.

THÔNG BÁO

THÔNG BÁO

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN NĂM 2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Phân loại CB			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC CN	Dưới TCCN	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Tốt	HT	KHT
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	50		3	34	2	2	9	21	14	0				
I	Giáo viên	32	0	3	30	1	0	0	21	11	0				
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	32	0	1	30	1	0	0	21	11	0				
1	Toán	4	0	0	4	0	0	0	1	3	0				
2	Lý	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0				
3	Hóa	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0				
4	Sinh	2	0	0	1	0	0	0	2	0	0				
5	Văn	7	0	1	7	0	0	0	4	3	0				
6	Sử	2	0	0	2	0	0	0	1	1	0				
7	Địa	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0				
8	T.Anh	3	0	0	3	0	0	0	2	1	0				
9	Mỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
10	Âm nhạc	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0				
11	Thể dục	3	0	0	2	1	0	0	2	1	0				
12	Tin	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0				
13	KTCN	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0				
14	GDQPAN	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0				
15	GDKT&PL	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0				
16	Giáo viên khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
II	Cán bộ quản lý	3	0	2	1	0	0	0	0	3	0				
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	0	1	0				
2	Phó hiệu trưởng	2	0	1	1	0	0	0	0	2	0				
III	Nhân viên	15	0	0	3	1	2	9	0	0	0				
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0				
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0				
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0				
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0				
6	Nhân viên Giáo vụ	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0				
	Nhân viên TBTN	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0				
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
	Nhân viên khác	9	0	0	0	0	0	9	0	0	0				

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
A	Thông tin học sinh				
1	Kết quả tuyển sinh	260	260		
2	Số học sinh từng khối	510	215	187	108
3	Số học sinh bình quân /lớp		31	31	27
4	Số lượng học sinh nam/nữ	186/324	84/131	65/122	37/71
5	Số học sinh khuyết tật/thiếu số	1/1	1/1	0/0	0/0
6	Số học sinh chuyển trường/ tiếp nhận	0/3	0/1	0/2	0/0
B	Kết quả đánh giá học sinh				
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm/ rèn luyện	510	215	187	108
1	Tốt	441	182	153	106
	(tỷ lệ so với tổng số)	86.47%	84.65%	81.82%	98.15%
2	Khá	50	26	22	2
	(tỷ lệ so với tổng số)	9.80%	12.09%	11.76%	1.85%
3	Trung bình/ Đạt	19	7	12	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	3.73%	3.26%	6.42%	0.00%
4	Yếu/ chưa đạt	0		0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
II	Số học sinh chia theo học lực/học tập	510	215	187	108
1	Giỏi/ tốt	34	8	11	15
	(tỷ lệ so với tổng số)	6.67%	3.72%	5.88%	13.89%
2	Khá	221	68	82	71
	(tỷ lệ so với tổng số)	43.33%	31.63%	43.85%	65.74%
3	Trung bình/ đạt	242	131	89	22
	(tỷ lệ so với tổng số)	47.45%	60.93%	47.59%	20.37%
4	Yếu/ chưa đạt	13	8	5	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	2.55%	3.72%	2.67%	0.00%
5	Kém	0			
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%		
C	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp/ không lên lớp	0	215/2	187/4	108/108
2	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	108			108
3	Số học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp				60

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Yêu cầu tối thiểu
A	Tổng số diện tích đất (m²)	22.975	63.80	9.153
B	Tổng số phòng	17	17	17
I	Hành chính quản trị	7	8	8
	Hiệu trưởng	1	1	1
	Phó hiệu trưởng	2	2	2
	Đảng, CĐ	-	-	-
	Văn phòng	3	4	4
	Bảo vệ	1	1	1
	Khu WC của CBGV	2	2	2
	Khu nhà xe của CBGV	2	2	2
II	Khối phòng học tập	17	17	17
	Phòng học	17	17	17
	Phòng học bộ môn Âm nhạc	-	-	-
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	-	-	-
	Phòng học bộ môn Công nghệ	-	-	-
	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên (lý, hóa sinh)	2	2	2
	Phòng học bộ môn Tin học	1	1	1
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1	1	1
	Phòng đa chức năng	-	-	-
	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	-	-	-
III	Khối phòng hỗ trợ học tập	2		
	Thư viện	1		1
	Phòng đọc (4m/1 chỗ)	1		
	Phòng thiết bị giáo dục	1		1
	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1		1
	Phòng Đoàn, Đội	1		1
	Phòng truyền thống	1		1
IV	Khối phụ trợ	6		
	Phòng họp	1		1
	Phòng các tổ chuyên môn	-		1
	Phòng nghỉ GV	-		
	Phòng y tế trường học	1		1
	Nhà kho	-		1

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Yêu cầu tối thiểu
	Khu để xe học sinh	1		1
	Khu vệ sinh học sinh	3		3
	Phòng giáo viên (4m/1 GV)	-		
V	Khu sân chơi, thể dục thể thao			
	Sân trường	1		1
	Sân thể dục thể thao	1		1
	Nhà đa năng	0		
C	Số thiết bị dạy học hiện có	571	571	571
D	Danh mục sách giáo khoa	430	1 Bộ	1 Bộ

TÍNH
V DẠY HỌC